

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày 06 tháng 9 năm 2023

V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Duy Lục;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (VPBank).

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A; Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý VPBank.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy T; Chuyên viên xử lý nợ pháp lý VPBank (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện điền ngày 27/12/2022, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Huy Thông trình bày: Ngày 20/12/2019, anh Lê Văn H sinh năm 1993 trú tại: Thôn L, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc có ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1912192002205 với nội dung thỏa thuận: Ngân hàng cho anh Lê Văn H vay số tiền theo hạn mức cho vay là 383.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, lãi suất này được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, thời hạn trả gốc và lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không được vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh H vay số tiền 383.000.000 đồng vào ngày 23/12/2019.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Lê Văn H đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số LN1912192002205 ngày 19/12/2019 và văn bản thỏa thuận ngày 20/12/2019, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa số 639, tờ bản đồ số 7, diện tích 202m² tại địa chỉ: thôn L, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số CT 214568, sổ vào sổ cấp GCN CS 02858 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/11/2019 đứng tên ông Lê Văn H cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm: 01 ngôi nhà cấp 4.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H đã trả cho Ngân hàng được số tiền 34.881.572 đồng. Trong đó: trả nợ gốc: 16.059.475 đồng, trả nợ lãi: 18.822.097 đồng. Anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng từ ngày 15/6/2020. Tính đến ngày 06/9/2023, anh Lê Văn H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 659.857.660 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 366.940.525 đồng, nợ lãi: 251.118.965 đồng (lãi trong hạn: 4.268.928 đồng, lãi quá hạn: 246.850.037 đồng), lãi chậm trả: 41.798.170 đồng. Nay Ngân hàng đề nghị anh H pH trả tổng số tiền tính đến ngày 06/9/2023 là 659.857.660 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 366.940.525 đồng, nợ lãi: 251.118.965 đồng (lãi trong hạn: 4.268.928 đồng, lãi quá hạn: 246.850.037 đồng), lãi chậm trả: 41.798.170 đồng.

Kể từ ngày 07/9/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên cho Ngân hàng thì anh H pH tiếp tục chịu lãi quá hạn trên số dư nợ gốc và lãi chậm trả trên số tiền lãi chưa thanh toán là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền 366.940.525 đồng gốc theo hợp đồng tín dụng số LN1912192002205 ngày 20/12/2019.

Trường hợp anh Lê Văn H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản theo Hợp đồng thế chấp mà anh H đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ. Ngân hàng chỉ đề nghị xử lý diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp mang tên anh H cùng tài sản gắn liền trên đất. Đối với phần diện tích đất lớn hơn thì Ngân hàng không có ý kiến gì. Trong trường hợp xử lý hết tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì anh H pH có trách nhiệm tiếp tục trả nợ gốc và lãi cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Đối với bị đơn anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Ngày 13/7/2023, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Lê Văn Hiệu (là anh trai của anh H), anh Hiệu trình bày: Anh có biết việc anh Lê Văn H ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Để đảm bảo khoản vay, anh H có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa số 639, tờ bản đồ 07 tại thôn L, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc diện tích 202m² và tài sản trên đất. Quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Văn H. Bản thân anh H làm ăn thua lỗ nên không trả nợ được cho Ngân hàng. Hiện nay anh H đang làm ăn tại tỉnh Đồng Nai, địa chỉ cụ thể như thế nào anh không rõ vì anh H không nói. Anh và anh H chỉ liên lạc với nhau thông qua điện thoại di động. Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh H, anh nhận thay để thông báo cho anh H. Anh đã thông báo cho anh H biết Ngân hàng khởi kiện buộc anh H pH trả nợ, việc Tòa án thụ lý, giải quyết, mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh H không về được. Anh H đề nghị tôi xem xét việc bán đất của anh H để trả nợ cho Ngân hàng.

Xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nhận thấy diện tích đo đạc thực tế là 203m² (tăng 01m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tài sản trên đất gồm: 01 lán để đồ khung thép lợp pờ lô xi măng; 01 chuồng chăn nuôi + bếp xây tường gạch lợp tôn; tường bao loan phía trên gắn hoa sắt xây 10cm, không chát, cao 1,5m; 03 cây xoài, 02 cây mít, 01 cây hồng xiêm cùng một số cây cối nhỏ khác. Trên phần diện tích 01m² đất tăng có 01 phần góc tường của căn bếp. Ngân hàng nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và không có ý kiến gì.

Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Đề nghị buộc anh Lê Văn H phải chịu toàn bộ, buộc anh H phải trả lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền chi phí tố tụng 5.000.000 đồng.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện lý do tăng là do anh H xây bếp lấn đường ngõ xóm thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã B. Đối với phần diện tích đất tăng 1m², Ủy ban nhân dân xã B không đề nghị Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án không đưa Ủy ban nhân dân xã B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tài sản thế chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh H. Đối với quyền sử dụng đất mang tên anh H thì không có tranh chấp gì về quyền sử dụng đất với cá nhân nào.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và các buổi làm việc mà không có lý do, do vậy không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án xử: Buộc anh Lê Văn H pH trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 659.857.660 đồng, trong đó: 366.940.525 đồng tiền gốc, 251.118.965 đồng lãi pH trả (trong đó: lãi trong hạn: 4.268.928 đồng, lãi quá hạn: 246.850.037 đồng), 41.798.170 đồng lãi chậm trả. Số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 06/9/2023. Kể từ ngày 07/9/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì anh H phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc và lãi chậm trả trên số tiền lãi chưa thanh toán tính trên số dư lãi pH trả tương ứng với thời gian chậm trả là 10%/năm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Lê Văn H không trả được nợ thì căn cứ khoản 1 điều 351; khoản 5, khoản 7 điều 323 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thu hồi nợ thì anh H vẫn phải tiếp tục có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh Lê Văn H phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Lê Văn H phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số LN1912192002205 ngày 20/12/2019 giữa anh Lê Văn H và Ngân hàng, mục đích vay là để tiêu dùng, mua sắm vật

dụng gia đình và anh H không có giấy phép kinh doanh, tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy quan hệ tranh chấp được xác định là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng về thẩm quyền.

Đối với anh Lê Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Ngân hàng và anh Lê Văn H xác lập hợp đồng tín dụng số: LN1912192002205 ngày 20/12/2019 trong đó Ngân hàng là một tổ chức tín dụng. Do vậy các quy định pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án này là Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định: Ngày 20/12/2019, anh Lê Văn H có ký với Ngân hàng hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1912192002205. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh H vay số tiền 383.000.000 đồng vào ngày 23/12/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng và từ ngày 15/6/2020 khoản vay của anh H đã chuyển nợ quá hạn. Anh H đã trả cho Ngân hàng được số tiền 34.881.572 đồng. Trong đó: trả nợ gốc: 16.059.475 đồng, trả nợ lãi: 18.822.097 đồng. Như vậy anh Lê Văn H còn nợ Ngân hàng 366.940.525 đồng tiền gốc.

Để đảm bảo nghĩa vụ cho toàn bộ khoản vay thì anh Lê Văn H đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 639, tờ bản đồ số 7, diện tích 202 m² ở thôn L, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, đất đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 28/11/2019 đứng tên anh Lê Văn H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN1912192002205 ngày 19/12/2019 và văn bản cam kết về tài sản riêng của anh Lê Văn H ngày 20/12/2019. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 19/12/2019 tại Văn phòng công chứng Vĩnh Phú, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Tài sản bảo đảm đã được công nhận quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, sau khi thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên việc thế chấp là hoàn toàn hợp pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H đã trả cho Ngân hàng được số tiền 34.881.572 đồng. Trong đó: trả nợ gốc: 16.059.475

đồng, trả nợ lãi: 18.822.097 đồng, số tiền gốc anh Lê Văn H còn nợ Ngân hàng 366.940.525 đồng. Do anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và đúng quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Xét thấy tại Bảng kê tính lãi đối với khoản vay của anh H do Ngân hàng cung cấp, việc xác định nợ gốc còn lại, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Ngân hàng phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và phù hợp với các quy định của pháp luật tại từng thời điểm tính lãi suất. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên cần được chấp nhận, buộc anh Lê Văn H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến hết ngày 06/9/2023 là 659.857.660 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 366.940.525 đồng, nợ lãi: 251.118.965 đồng (lãi trong hạn: 4.268.928 đồng, lãi quá hạn: 246.850.037 đồng), lãi chậm trả: 41.798.170 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của Ngân hàng: Theo hợp đồng cho vay đã ký số LN1912192002205 ngày 20/12/2019, hai bên thỏa thuận về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không được vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Việc yêu cầu tính lãi quá hạn và lãi chậm trả theo như cách tính của Ngân hàng tính đến ngày xét xử (ngày 06/9/2023) và kể từ ngày tiếp theo (ngày 07/9/2023) cho đến khi tất toán khoản vay phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Quan hệ tín dụng phát sinh trong vụ án này là tranh chấp khoản vay nợ có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng thế chấp và các quy định về giao dịch bảo đảm thì trong trường hợp người vay tiền không trả được nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Lê Văn H. Vì vậy yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ đề nghị xử lý tài sản bảo đảm theo diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Lê Văn H cùng tài sản gắn liền trên đất. Hậu quả pháp lý của việc khó khăn khi thi hành án, kê biên tài sản thế chấp thì Ngân hàng phải chịu.

[4]. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Văn H phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng. Buộc anh H phải trả cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng 5.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không PH chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 401, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Buộc anh Lê Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (tính đến ngày xét xử 06/9/2023) số tiền 659.857.660đ (*Sáu trăm năm mươi chín triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng*). Trong đó 366.940.525 đồng tiền gốc; 251.118.965 đồng lãi PH trả (lãi trong hạn: 4.268.928 đồng, lãi quá hạn: 246.850.037 đồng); 41.798.170 đồng lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023), anh Lê Văn H còn phải chịu lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc với mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN1912192002205 ngày 20/12/2019; lãi chậm trả của số tiền lãi chưa trả với mức 10%/năm cho đến khi anh H thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Lê Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN1912192002205 ngày 19/12/2019, thỏa thuận ngày 20/12/2019 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất diện tích 202m² tại thửa số 639, tờ bản đồ số 7 thuộc thôn L, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên anh Lê Văn H. Tài sản gắn liền trên đất là công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Lê Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lê Văn H không thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khoản tiền trên thì hàng tháng

còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian trậm trễ theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Lê Văn H phải chịu 30.394.306 đồng (làm tròn 30.394.000 đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005907 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã B (để biết).
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang